

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HSPT

Ngày: 26 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Lê Nguyên Khoa**

2/ Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Tuyết Hoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 167/2023/HSPT ngày 01/11/2023 đối với các bị cáo Phạm Minh T và Phạm Hữu T. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Phạm Minh T**, sinh năm 1977 tại Bình Minh, Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp Đ1, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Lê Minh N (chết); chồng Lê Hoàng T, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Phạm Hữu T**, sinh năm 1974 tại Bình Minh, Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp Đ1, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Lê Minh N (chết); vợ Nguyễn Thị Bé S (đã ly hôn), có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hữu T, Võ Tấn N là các tiểu thương cùng có sạp buôn bán tại chợ M thuộc ấp M1, xã M, thị xã B (Sạp của T bán trứng vịt, sạp của N bán cá, hai sạp buôn bán đối diện nhau); Phạm Minh T là em ruột của T thường xuyên đến sạp hột vịt phụ giúp T buôn bán và trông coi sạp; Phạm Hoàng K là người làm thuê cho N. Trong thời gian buôn bán tại chợ, N làm vệ sinh sạp cá đã tạt nước tràn qua khu vực sạp bán trứng của T nên giữa N và T có xảy ra mâu thuẫn cự cãi và có tạt nước qua lại với nhau (xảy ra từ đầu năm 2023). Sự việc mâu thuẫn cãi nhau giữa N và T thì K và T cũng biết. Đến chiều ngày 15/3/2023, sau khi đi nhậu về Phạm Hoàng K nhìn thấy Phạm Hữu T thì K nhớ lại mâu thuẫn và nhớ lại việc Phạm Minh T có chửi phông lông vào buổi sáng cùng ngày 15/3/2023. K tự nghĩ rằng T bênh vực T chửi mình nên tức giận và cầm kéo rượt T đánh thì được những người xung quanh can ngăn nên không có gây thương tích. Đến tối ngày 15/3/2023, T gọi điện thoại cho cháu là Phạm Hữu T1 (sinh năm 1991, nơi cư trú ấp M2, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long) kể lại sự việc bị K cầm kéo rượt và nhờ T1 gặp K để nói chuyện cho K đừng có gây chuyện với T nữa thì T1 đồng ý qua nói chuyện với K.

Vào khoảng 08 giờ 40 phút ngày 16/3/2023, T1 đi bộ từ nhà của bà nội đến quán nước gần trạm điện xã Đ để uống nước và có ý định đi tìm gặp K để nói chuyện về việc của T. Lúc này, T1 không có xe nên gọi điện thoại cho bạn là Trương Văn S kêu đến quán nước gặp T1, khi Sang đến quán nước thì T1 rủ Sang đi qua chợ M để uống cà phê, Sang hỏi sao không uống ở đây mà đến chợ M, T1 trả lời đến chợ M tiện mua đồ luôn thì Sang đồng ý chở T1 đến chợ M. Khi đến chợ M, T1 kêu S chở đến sạp cá của anh N vì T1 biết K đang làm công cho anh N ở sạp cá để T1 nói chuyện với K. Sang chở T1 đến sạp cá của anh N thì dừng xe lại, thấy K đang phụ giúp anh N bán cá nên T1 xuống xe kêu K đi ra gặp T1 nói chuyện hỏi rõ về mâu thuẫn giữa T và K nhưng K không đi ra gặp. Thấy vậy anh N liền nói *“chuyện này không liên quan đến mày”*. Lúc này T1 tức giận và muốn đánh K nên tháo nón bảo hiểm đang đội cầm ném về phía K nhưng không trúng. T1 nói với K: *“Hôm qua mày dí ai?”* rồi T1 xông đến dùng tay đánh K anh N đang đứng gần nên dùng tay câu cổ kéo T1 ra. Phạm Minh T đang ở bên sạp bán trứng của T nhìn thấy N câu cổ T1 liền đi qua sạp cá của N và chụp lấy con dao Thái Lan (dài 25cm, cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại) trên mâm cá cầm trên tay. Lúc này, T đang ở trong nhà lồng chợ để dọn dẹp sạp bán trứng khác, nghe có sự việc T1 đánh nhau với K nên T đi về, thấy T1 đánh nhau với K và N, T không can ngăn mà dùng nạn thun bắn về phía anh N và K nhưng không trúng. Trong lúc T1 đánh nhau bằng tay chân với N thì T1 bị trượt chân té ngã, Phạm Minh T lợi dụng anh N không chú ý liền cầm dao Thái Lan

xông vào đâm anh N gây thương tích ở cánh tay trái thì anh N té ngã về sau. T1 bị té không nhìn thấy T đã đâm anh N, sau đó T1 đứng lên và tiếp tục đi đến chỗ anh N dùng tay, chân đánh vào người anh N. Lúc này, T cũng xông vào cầm sợi dây xích có gắn ổ khoá định đánh anh N nhưng được T1 can ngăn đồng thời T1 đẩy T và T ra không cho T dùng dây xích đánh N và không cho T dùng dao đâm N.

Trong lúc Phạm Minh T dùng dao định tấn công anh N tiếp thì chị Nguyễn Thị A vợ của anh N đang đi mua thịt về nhìn thấy nên cầm bọc thịt ném Minh T nhưng không trúng. Chị A dùng tay nắm tóc Minh T kéo về sau rồi giằng co với nhau thì Minh T cầm dao đâm về phía chị A nhưng không trúng. Lúc này, N lấy 01 khúc trầm cầm đánh lại T1, anh N cầm khúc trầm đánh về phía T1 nhưng bị vướng cái màn che sạp cá nên không đánh được. T1 xông đến giật khúc trầm trên tay anh N rồi giằng co nhau, trong lúc T1 và N tiếp tục đánh nhau thì Minh T truyền dao thái qua tay trái, tay phải lấy 01 khúc sắt vuông cầm trên tay chạy đến đánh chị A rồi cả hai tiếp tục giằng co ôm nhau vật xuống đất, anh N thấy vậy chạy đến chụp con dao trên tay Minh T đè xuống không cho đâm, T1 cũng chạy đến đè anh N và dùng tay gỡ tay của anh N đang chụp con dao trên tay Minh T (vì T1 sợ N lấy được dao sẽ tấn công Minh T). T không vào can ngăn mà lợi dụng lúc anh N đang bị đè tay T đã dùng tay phải cầm sợi dây xích có gắn ổ khoá bằng kim loại dài 80cm đánh lên vào lưng của anh N 02 cái gây thương tích rồi bỏ đi. Sau đó, có nhiều người đến can ngăn nên sự việc đánh nhau dừng lại, anh N được đưa đến trạm y tế xã M sơ cứu, sau đó đến trung tâm y tế thị xã B rồi được chuyển viện đến Bệnh viện đa khoa T phố Cần Thơ khâu lại vết thương rồi về nhà.

Đến ngày 17/3/2023, anh N là đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với những người gây thương tích cho mình. Đối với Nguyễn Thị A và Phạm Hoàng K chỉ bị thương tích nhẹ nên từ chối giám định.

Căn cứ kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 133/KLLTTCT-TTPY ngày 27/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long kết luận thương tích của anh Võ Tấn N như sau:

1. Các kết quả chính:

- Chấn thương lưng trái do vật tày gây nên, hiện tại biến đổi sắc tố da kích thước 6x3cm;
- Vết thương mặt ngoài vùng khuỷu trái kích thước 2x4cm do vật sắc gây nên, bờ nhám nhở, giới hạn vận động khớp khuỷu trái, được điều trị hiện tại sẹo kích thước 4,5 x 0,3cm.

2. Kết luận:

Căn cứ văn bản số 60/VB-PY, ngày 10/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long xác định:

- Chấn thương lưng trái do vật tày gây nên, hiện tại biến đổi sắc tố da kích 6x3cm. Tỷ lệ 01%

- Vết thương mặt ngoài vùng khuỷu trái kích thước 2x4cm do vật sắc gây nên, bờ nhám nhòe, giới hạn vận động khớp khuỷu trái, được điều trị hiện tại sẹo kích thước 4,5 x 0,3cm. Tỷ lệ 02%

Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Tấn N tại thời điểm giám định là 03%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư”.

Tại bản án sơ thẩm số: 73/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T và Phạm Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh T mức án 06 (sáu) tháng tù.

- Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và và Điều 38, Điều 17, Điều 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T mức án 03 (ba) tháng tù.

- Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 27/9/2023, bị cáo Phạm Minh T và bị cáo Phạm Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện nuôi đang ăn học, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo đang rất khó khăn.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Minh T mức án 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và và Điều 38, Điều 17, Điều 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T mức án 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày các bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Các bị cáo cùng bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T và Phạm Hữu T đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nhận thấy, lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đã đủ cơ sở khách quan để xác định việc cấp sơ thẩm quy kết hai bị cáo Phạm Minh T và Phạm Hữu T phạm vào tội: Cố ý gây thương tích, theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây sự hoang mang trong nội bộ nhân dân mà nhất là các tiểu thương buôn bán ở chợ. Các bị cáo chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt mua bán hàng ngày mà dùng dao và dây xích là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện bản tính hung hãn, không những xem thường sức khỏe của người khác mà còn xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của các bị cáo, nhằm giáo dục riêng các bị cáo trở T công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là có cơ sở như đã nhận định trên.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T và bị cáo Phạm Hữu T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 73/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

1.1 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T mức án 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.2 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Phạm Hữu T mức án 03 (ba) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Minh T và bị cáo Phạm Hữu T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TXBM: 05;
- CQTHADS TXBM: 01;
- CQTHAHS TXBM: 01;
- TG:01; BC: 02;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã Đông T: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lâm Văn Năm

